TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN CẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2018/HNGĐ-ST
Ngày 09-11-2018
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU – TỈNH TÂY NINH

- *T*hành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trang Thái Châu.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Lê Hoàng Quy;
Ông Nguyễn Thành Tẻo.
- Thư ký Pên tòa: Ông Lê Tiến Danh – Thư ký Toà án.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia Pên tòa***: Ông Hoàng Đình Lưỡng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 285/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2018/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. N đơn: chị Thân Thị Thúy L, sinh năm 1980.
Địa chỉ cư trú: ấp X, xã Y, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. có mặt
2. Bị đơn: anh Trần Việt N, sinh năm 1971.
Địa chỉ cư trú: ấp X, xã Y, huyện Bến Cầu. vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14-9-2018 và trong quá trình tham gia tố tụng, N đơn chị Thân Thị Thúy L trình bày: Chị L và anh Trần Việt N kết hôn vào năm 1995, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Y, huyện Bến Cầu cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2003. Chị L và anh N sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mA thuẫn, N nhân là do anh N thường xuyên đánh bạc, mang tài sản gia đình cầm cố, mặc dù chị L đã khuyên can nhiều lần nhưng anh N không thay đổi, từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và ly thân từ tháng 6 năm 2018 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị L yêu cầu ly hôn với anh Trần Việt N.

- Về con chung: Chị L và anh N có hai con chung tên Trần Thị Hải A, sinh ngày 16-7-1996 và Trần Trọng P, sinh ngày 28-8-2002; hiện cháu P đang sống với chị L, còn cháu A đi làm tại Thành phố Hồ Chí Minh. Chị L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu P, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con; còn cháu A đã thành niên, tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu nên không xem xét.

Bị đơn là anh Trần Việt N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng anh N vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia Pên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và N đơn là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do là chưa chấp hành và chưa thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ tố tụng. Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Kiểm sát viên không phát hiện vi phạm tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thân Thị Thúy L đối với anh Trần Việt N; giao cháu Trần Trọng P cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, đối với cháu A đã thành niên, tự lao động nuôi sống bản thân nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo qui định của pháp luật, anh N không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại Pên tòa, xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Chị Thân Thị Thúy L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu giải quyết hôn nhân với anh Trần Việt N, anh N có địa chỉ cư trú tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu thụ lý, giải quyết là đúng theo qui định tại Điều 28, Điều 35 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết, anh N đã được Tòa án cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ nhưng anh N vắng mặt không có lý do nên áp dụng Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh N. Anh N phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ và không thực hiện nghĩa vụ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo qui định tại các Điều 6, Điều 72 và Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị Thân Thị Thúy L và anh Trần Việt N kết hôn vào năm 1995 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2003 là hôn nhân hợp pháp. Chị L cho rằng N nhân mA thuẫn là do anh N thường xuyên đem tài sản

gia đình thế chấp để đánh bạc, không chăm lo cho gia đình, chị L khuyên can nhiều lần nhưng không thay đổi. Lời khai của chị L phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án đã thu thập được. Mặt khác, Tòa án triệu tập hòa giải đoàn tụ nhưng anh N không đến cho thấy anh N không có thiện chí hòa giải, hàn gắn, đoàn tụ. Do đó, hôn nhân giữa chị L và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh N là có cơ sở chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị L và anh N có hai con chung tên Trần Thị Hải A và Trần Trọng P, hiện cháu P đang sống với chị L, còn cháu A đã thành niên, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu P. Xét thấy từ ngày ly thân, chị L đã nuôi con tốt, bảo đảm nhu cầu vật chất, tinh thần cho cháu P và cháu P cũng có nguyện vọng được sống với chị L nên tiếp tục giao cháu P cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp theo qui định Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, ghi nhận chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Anh N được quyền thăm nom con chung theo qui định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình, không ai được cản trở anh N thực hiện quyền này. Đối với cháu A đã thành niên, tự lao động nuôi sống bản thân nên không đặt ra giải quyết.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thân Thị Thúy L đối với anh Trần Việt N. Chị L được ly hôn với anh N.

2. Về con chung: Giao Trần Trọng P, sinh ngày 28-8-2002 cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Không ai được cản trở anh N thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Đối với Trần Thị Hải A, sinh ngày 16-7-1996 đã thành niên, tự lao động nuôi sống bản thân nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Thân Thị Thúy L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000 đồng

theo biên lai số: 0021641 ngày 14-9-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Anh Trần Việt N không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Thân Thị Thúy L có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Việt N có quyền kháng lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp pháp.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã Y (lưu);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PÊN TOÀ

Trang Thái Châu